

Personalpronomen

Nominativ

Personalpronomen im Singular

ich: tôi

du: bạn

er: anh ấy

Sie/sie: Ngài/cô ấy

es: nó

Personalpronomen im Plural

wir: chúng ta, chúng tôi

ihr: các bạn

sie: họ

Các bạn để ý sẽ thấy có 3 **SIE**, chúng ta sẽ phân biệt như sau:

- Sie viết hoa là Sie ngài.
- sie viết thường là sie cô ấy hoặc sie họ (phân biệt dựa vào cách chia động từ).

Hãy viết đi viết lại các đại từ nhân xưng này cho thuộc nhé

ich							
du							
er							
sie							
es							
wir							
ihr							
sie							
Sie							

Chia động từ SEIN với các ngôi

sein: rằng, thì, là, ở.

Ich bin

Du bist

Er ist

Sie ist

Es ist

Wir sind

Ihr seid

Sie/sie sind



Hãy viết đi viết lại cách chia cho nhớ nhé:

ich bin						
du bist						
er/sie/es ist						
wir sind						
ihr seid						
Sie/sie sind						

Với mỗi bài mới, các bạn hãy chịu khó học thuộc kiến thức và từ vựng bằng cách viết đi viết lại nhiều lần như vậy trước khi làm bài tập nhé.



Übung 1: Điền **đại từ nhân xưng** thích hợp vào chỗ trống:

1. Bist ____ Hary?
2. ____ ist Lisa.
3. Sind ____ Helga?
4. Ja, ____ bin Helga.
5. Ist ____ Justin?
6. Seid ____ Petra und Jacky?
7. ____ bin Ludwig.
8. Sind ____ Frau Jocasta?
9. Bist ____ Joonna?
10. ____ ist Jessica.

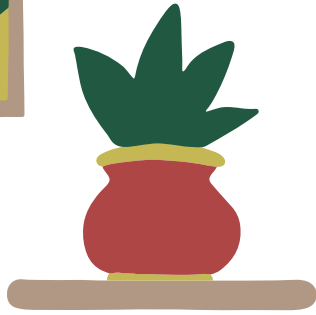
Frau: Bà (Ms/Miss)
Herr: Ông (Mr)
Dùng để gọi/nói (với/về) ai đó một cách lịch sự

1. du 5. Er 8. Sie
2. Sie 6. ihr 9. du
3. Sie 7. Ich 10. Sie
4. ich Lösung

Übung 2: Chia dạng đúng của động từ sein cho mỗi trường hợp sau:

1. Sie ____ Anna.
2. Er ____ Peter.
3. Sie (họ) ____ Herr Nguyen und Frau Pham.
4. Wer ____ sie? Sie ____ Monica.
5. ____ du Emma?
6. ____ sie Adela und Akaxia?
7. ____ er Peter?
8. ____ Sie Frau Lona?
9. Nein, ich ____ Lukas.
10. Wer ____ sie? Sie ____ Gray und Brown.
11. Wer ____ er?
12. Wer ____ Sie?





Lösung

- | | |
|-------------|----------------|
| 1. ist | 7. Ist |
| 2. ist | 8. Sind |
| 3. sind | 9. bin |
| 4. ist, ist | 10. sind, sind |
| 5. Bist | 11. ist |
| 6. Sind | 12. sind |

Übung 3: Hoàn thành đoạn hội thoại sau:

Đoạn 1:

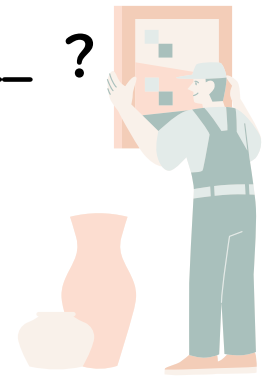
Sebastian : Hallo! Wer (1)_____ du?

Tim : (2)_____! Ich bin (3)_____.

Sebastian : Wie bitte? Buchstabiere das bitte. (Hãy đánh vần)

Tim : T-I-M. Und wer bist (4)_____ ?

Sebastian : Ich (5)_____ Sebastian.



Đoạn 2:

Christoph : Hallo! Wie geht es dir ?

Andreas : Hallo! Mir geht es gut. Wer bist (6)_____?

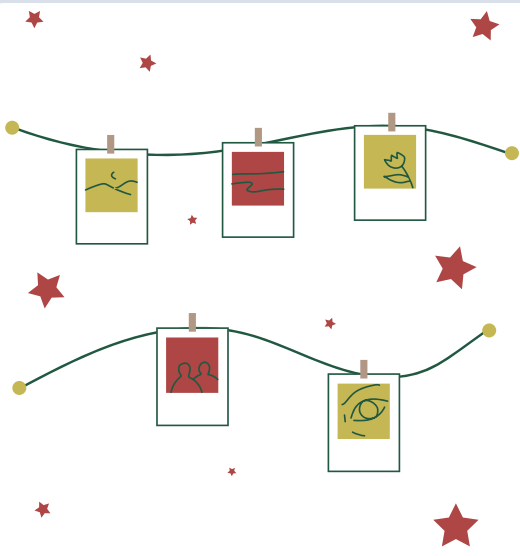
Christoph : Ich bin (7)_____.

Andreas : Wie bitte? Buchstabiere das bitte.

Christoph : C-H-R-I-S-T-O-P-H. Und du? Wer (8)_____ du?

Andreas : Ich (9)_____ Andreas.





1. bist 6. du
2. Hallo 7. Christoph
3. Tim 8. bist
4. du 9. bin
5. bin Lösung

Übung 4: Chọn đáp án đúng cho các câu sau:

1. Hallo! Ich _____ Hans Steiger.
A. ist
B. sind
C. bin
2. _____ Sie Anna Meier?
A. sind
B. seid
C. bist
3. Guten Tag! _____ sind Petra und Peter.
A. wir
B. sie
C. er
4. Ist _____ Oliver Kurz?
A. du
B. er
C. sind
5. _____ ihr Linda und Vogel?
A. sind
B. seid
C. sein
6. Bist _____ Tobias Heitz?
A. er
B. ich
C. du
7. Ich _____ Harry Müller. Sie _____ Mary Wright?
A. bin - sind
B. bin - sein
C. bist - sind
8. _____ Sie Emma und Brian?
A. sind
B. bist
C. ist



- | | | | |
|-----|-----|-----|-----|
| 1.C | 3.A | 5.B | 7.A |
| 2.A | 4.B | 6.C | 8.A |

Lösung

